CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
2026-03-24 15:57:24

Mẫu số 01-A

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:03/CBTT-SBL	*Cà Mau, ngày 20 tháng 03 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

- Mã chứng khoán: SBL
- Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02913780781 Fax: 02913780567
- Email: bsgbaclieu@gmail.com Website: biasaigonbaclieu.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán

☑ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 20/03/2026 tại đường dẫn: biasaigonbaclieu.com

Tài liệu đính kèm:
- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán.
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận năm 2025 so với năm 2024.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

M.S.D.N: 1900333973 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
P. BẠC LIÊU - T. CÀ MAU

Trịnh Công Vinh

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU
Số: 10/2026/SGBL
(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận năm 2025 so năm 2024)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cà Mau, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, mã chứng khoán SBL xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 thay đổi từ 10% trở lên so năm 2024.

Lợi nhuận năm 2025 giảm so cùng kỳ nguyên nhân chính là do:

- Sản lượng giao hàng giảm so với cùng kỳ;
- Chi phí thuê đất năm 2025 tăng so 2024 là 2 tỷ đồng do tăng giá thuê đất, chi tiết ở thuyết minh báo cáo tài chính số 26 như sau:

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**2025 VND**	**2024 VND**	**Chênh lệch 2025/2024**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.011.248.401	1.663.674.143	2.347.574.258
Trong đó:			
Chi phí thuê đất	*2.118.155.018*	*137.866.957*	*1.980.288.061*
Khác	*1.893.093.383*	*1.525.807.186*	*367.286.197*

Trân trọng.

Nơi gửi:
- *Như trên*
- Lưu TCKT

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1900333973 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU P.BẠC LIÊU-T.CÀ MAU

Trịnh Công Vinh

KPMG

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	6003000028	ngày 22 tháng 12 năm 2006
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 24 tháng 7 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp (trước đây là "Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu").	
Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
	Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Tấn Phiên	Trưởng ban Kiểm soát
	Bà Dương Thị Thúy Hồng	Thành viên
	Bà Trần Thị Ngọc Diệp	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trịnh Công Vinh	Giám đốc
	Ông Huỳnh Vạn Đồng	Phó Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha Phường Bạc Liêu Tỉnh Cà Mau Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Trịnh Công Vinh
Giám đốc

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU

Phạm Thị Hồng Hạnh
Chủ tịch

Tỉnh Cà Mau, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00547-26-1

Nguyễn Thúy Ninh	Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề	Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1	Kiểm toán số 0436-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	**100**		**67.123.498.302**	**84.278.188.421**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**55.796.993.548**	**57.738.492.583**
Tiền	111		296.993.548	278.492.583
Các khoản tương đương tiền	112		55.500.000.000	57.460.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.646.798.645**	**13.032.954.188**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.594.172.350	15.938.630.012
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		95.078.407	93.602.237
Phải thu ngắn hạn khác	136		37.718.888	80.892.939
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7	(3.080.171.000)	(3.080.171.000)
Hàng tồn kho	**140**	**8**	**8.421.125.859**	**13.357.325.168**
Hàng tồn kho	141		10.207.726.870	13.357.325.168
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.786.601.011)	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**258.580.250**	**149.416.482**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		258.580.250	149.416.482
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	**200**		**156.145.068.104**	**172.961.146.693**
Tài sản cố định	**220**		**155.028.472.823**	**171.807.200.677**
Tài sản cố định hữu hình	221	9	155.028.472.823	171.807.200.677
Nguyên giá	*222*		490.942.850.924	*491.430.816.022*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(335.914.378.101)*	*(319.623.615.345)*
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	*228*		-	*211.446.165*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	*(211.446.165)*
Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.116.595.281**	**1.153.946.016**
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	759.275.079	1.153.946.016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		357.320.202	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**223.268.566.406**	**257.239.335.114**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**44.803.464.999**	**73.215.121.395**
Nợ ngắn hạn	**310**		**43.758.987.993**	**72.604.647.964**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.563.051.471	4.673.453.801
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	20.140.894.210	24.099.194.752
Phải trả người lao động	314		3.681.527.373	2.210.413.978
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.560.106.122	1.166.511.393
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		144.581.819	138.181.819
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	882.098.662	603.574.250
Vay ngắn hạn	320	15	13.770.218.855	39.696.808.490
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	16.509.481	16.509.481
Nợ dài hạn	**330**		**1.044.477.006**	**610.473.431**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	1.044.477.006	610.473.431
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**178.465.101.407**	**184.024.213.719**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**178.465.101.407**	**184.024.213.719**
Vốn cổ phần	411	19	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*120.120.000.000*	*120.120.000.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	27.919.729.439	27.919.729.439
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.425.371.968	35.984.484.280
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*29.778.484.280*	*34.049.209.469*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*646.887.688*	*1.935.274.811*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**223.268.566.406**	**257.239.335.114**

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Trần Thị Thảo	Trần Thị Chất	Trịnh Công Vinh
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*

M.S.D.N: 1900333973 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU ★ P.BẠC LIÊU-T.CÀ MAU

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**23**	**115.997.309.667**	**140.320.358.640**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**24**	**103.402.155.064**	**126.768.239.679**
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	**20**		**12.595.154.603**	**13.552.118.961**
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.695.036.944	1.023.691.462
Chi phí tài chính	22		1.507.780.364	737.326.424
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.507.780.364*	*737.326.424*
Chi phí bán hàng	25	25	1.918.629.627	2.069.459.265
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.789.232.793	8.994.060.744
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**1.074.548.763**	**2.774.963.990**
Thu nhập khác	31		197.521.886	38.500.000
Chi phí khác	32		82.701.001	15.349.429
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**114.820.885**	**23.150.571**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**1.189.369.648**	**2.798.114.561**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**28**	**465.798.587**	**1.244.938.865**
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	**52**	**28**	**76.683.373**	**(382.099.115)**
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**646.887.688**	**1.935.274.811**
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	54	161

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Trần Thị Thảo	Trần Thị Chất	Trịnh Công Vinh
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**1.189.369.648**	**2.798.114.561**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	17.373.273.453	20.952.232.210
Các khoản dự phòng	03	1.786.601.011	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.860.525.528)	(1.062.191.462)
Chi phí lãi vay	06	1.507.780.364	737.326.424
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**18.996.498.948**	**23.425.481.733**
Biến động các khoản phải thu	09	10.386.155.543	11.358.608.605
Biến động hàng tồn kho	10	3.149.598.298	(509.133.747)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.570.997.017)	(24.692.762.524)
Biến động chi phí trả trước	12	285.507.169	298.506.256
		31.246.762.941	**9.880.700.323**
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.523.863.144)	(709.688.407)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.178.917.126)	(1.888.185.478)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**28.343.982.671**	**7.282.826.438**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.526.578.901)	(93.438.456)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	207.521.886	38.500.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(54.100.000.000)	-
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	54.100.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.695.036.944	1.023.691.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**1.375.979.929**	**968.753.006**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	154.817.319.757	215.479.542.978
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(180.743.909.392)	(175.782.734.488)
Tiền chi trả cổ tức	36	(5.734.872.000)	(5.973.396.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(31.661.461.635)**	**33.723.412.490**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(1.941.499.035)**	**41.974.991.934**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**57.738.492.583**	**15.763.500.649**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	**70**	**55.796.993.548**	**57.738.492.583**

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Trần Thị Thảo	Trần Thị Chất	Trịnh Công Vinh
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã là SBL.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa liên tỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 86 nhân viên (1/1/2025: 87 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí bảo dưỡng

Chi phí bảo dưỡng phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí bảo dưỡng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	76.094.717	41.589.789
Tiền gửi ngân hàng	220.898.831	236.902.794
Các khoản tương đương tiền (*)	55.500.000.000	57.460.000.000
	55.796.993.548	57.738.492.583

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2025: 4,7% một năm).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	2.355.397.000	12.783.020.316
Các khách hàng khác	158.604.350	75.438.696
	5.594.172.350	15.938.630.012

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	2.355.397.000	12.783.020.316
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	106.968.590	74.838.696

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

7. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2025 và 1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	(3.080.171.000)	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.940.281.857	-	3.304.393.164	-
Công cụ và dụng cụ	2.477.930.094	(1.786.601.011)	2.871.251.558	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.208.861.049	-	6.737.649.513	-
Thành phẩm	580.653.870	-	444.030.933	-
	10.207.726.870	(1.786.601.011)	13.357.325.168	-

Biến động của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND
Tăng trong năm và số dư cuối kỳ	1.786.601.011

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	112.464.864.105	371.577.677.636	5.998.968.590	1.389.305.691	491.430.816.022
Tăng trong năm	-	636.578.901	-	-	636.578.901
Thanh lý	-	(475.818.181)	(648.725.818)	-	(1.124.543.999)
Số dư cuối năm	112.464.864.105	371.738.438.356	5.350.242.772	1.389.305.691	490.942.850.924
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.854.208.421	259.999.471.684	5.469.494.327	1.300.440.913	319.623.615.345
Khấu hao trong năm	4.594.064.024	12.586.280.149	159.694.176	33.235.104	17.373.273.453
Thanh lý	-	(433.784.879)	(648.725.818)	-	(1.082.510.697)
Số dư cuối năm	57.448.272.445	272.151.966.954	4.980.462.685	1.333.676.017	335.914.378.101
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	59.610.655.684	111.578.205.952	529.474.263	88.864.778	171.807.200.677
Số dư cuối năm	55.016.591.660	99.586.471.402	369.780.087	55.629.674	155.028.472.823

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 135.393 triệu VND (1/1/2025: 108.780 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 125.411 triệu VND (1/1/2025: 138.473 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo dưỡng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	722.662.686	431.283.330	1.153.946.016
Tăng trong năm	354.720.000	27.314.815	382.034.815
Phân bổ trong năm	(553.043.710)	(223.662.042)	(776.705.752)
Số dư cuối năm	524.338.976	234.936.103	759.275.079

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	1.436.529.600	1.354.176.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cửu Long	372.375.551	-
Công ty TNHH Công nghệ Nồi hơi Phú Hưng	270.698.814	314.911.532
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	160.462.886	106.143.272
Công ty TNHH Chế biến lương thực Trường Thắng	100.000.000	491.979.200
Công ty TNHH Camic Việt Nam	-	204.187.500
Các nhà cung cấp khác	222.984.620	2.202.056.297
	2.563.051.471	4.673.453.801

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	1.436.529.600	1.354.176.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	160.462.886	106.143.272
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	-	202.834.800

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ Cấn trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	19.582.356.576	115.103.904.368	(117.795.964.424)	16.890.296.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.178.917.126	465.798.587	(1.178.917.126)	465.798.587
Thuế giá trị gia tăng	3.182.958.696	22.889.700.741	(23.318.192.837)	2.754.466.600
Thuế thu nhập cá nhân	147.283.954	663.641.522	(790.746.973)	20.178.503
Thuế tài nguyên	7.678.400	94.683.360	(92.207.760)	10.154.000
Các loại thuế khác	-	2.156.317.958	(2.156.317.958)	-
	24.099.194.752	141.374.046.536	(145.332.347.078)	20.140.894.210

13. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí điện	175.243.006	170.699.816
Chi phí lãi vay	11.555.237	27.638.017
Chi phí thuê đất	829.765.478	829.765.478
Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	193.000.000	-
Lương và phụ cấp cho người lao động	1.200.000.000	-
Chi phí khác	150.542.401	138.408.082
	2.560.106.122	1.166.511.393

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức	310.596.000	39.468.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.000.000	210.000.000
Phải trả khác	361.502.662	354.106.250
	882.098.662	603.574.250

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Giảm VND	31/12/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	39.696.808.490	154.817.319.757	(180.743.909.392)	13.770.218.855

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") – Chi nhánh 4	VND	4,3% - 4,4%	13.770.218.855	39.696.808.490

Khoản vay từ Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 4 được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 125.411 triệu VND (1/1/2025: 138.473 triệu VND) (Thuyết minh 9).

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	16.509.481	261.508.032
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 18)	200.000.000	-
Sử dụng	(200.000.000)	-
Điều chỉnh (Thuyết minh 18)	-	(244.998.551)
Số dư cuối năm	16.509.481	16.509.481

17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Thay đổi khấu hao tài sản cố định	20%	1.044.477.006	610.473.431

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	120.120.000.000	27.919.729.439	39.565.212.367	187.604.941.806
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.935.274.811	1.935.274.811
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	244.998.551	244.998.551
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	244.998.551	244.998.551
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(6.006.000.000)	(6.006.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	120.120.000.000	27.919.729.439	35.984.484.280	184.024.213.719
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	646.887.688	646.887.688
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(6.006.000.000)	(6.006.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	120.120.000.000	27.919.729.439	30.425.371.968	178.465.101.407

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

20. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết nghị chia cổ tức cho các cổ đông trong năm như sau:

	Năm kết thúc			
	31/12/2025		31/12/2024	
	Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá	**VND**	**Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá**	**VND**
Cổ tức đã công bố trong năm	5%	6.006.000.000	5%	6.006.000.000

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

22. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	1.748.327.643	476.708.749
Từ hai đến năm năm	5.297.818.714	1.906.834.997
Sau năm năm	13.870.580.268	14.347.289.017
	20.916.726.625	16.730.832.763

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	108.365.544.902	133.785.628.680
▪ Cung cấp dịch vụ	1.967.520.149	2.267.145.677
▪ Doanh thu khác	5.664.244.616	4.267.584.283
	115.997.309.667	140.320.358.640

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	102.413.971.249	125.857.781.512
▪ Dịch vụ đã cung cấp	988.183.815	910.458.167
	103.402.155.064	126.768.239.679

25. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.330.120.000	1.253.866.667
Chi phí quảng cáo và truyền thông	150.408.219	312.850.867
Chi phí bán hàng khác	438.101.408	502.741.731
	1.918.629.627	2.069.459.265

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	4.915.412.128	5.067.233.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.011.248.401	1.663.674.143
Chi phí khấu hao và phân bổ	11.158.457	19.439.757
Chi phí quản lý khác	1.851.413.807	2.243.713.041
	10.789.232.793	8.994.060.744

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	58.736.128.828	82.532.530.762
Chi phí nhân công và nhân viên	20.394.335.975	19.391.601.422
Chi phí khấu hao và phân bổ	17.373.273.453	20.952.232.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.128.620.367	6.759.737.135
Chi phí khác	10.085.493.334	9.298.263.950

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	465.798.587	1.244.938.865
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	76.683.373	(382.099.115)
	542.481.960	862.839.750

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.189.369.648	2.798.114.561
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	237.873.930	559.622.912
Chi phí không được khấu trừ thuế	304.608.030	303.216.838
	542.481.960	862.839.750

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	646.887.688	1.935.274.811

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND	2024 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	54	161

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch 2025 VND	 2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	108.365.544.902	133.785.628.680
Mua nguyên vật liệu	38.736.213.853	56.053.841.204
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Cổ tức đã trả	1.201.200.000	1.201.200.000
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	24.000.000	312.810.000

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	**2024 VND**
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	1.595.159.799	1.966.629.123
Bán bao bì	733.900.000	-
Phí sử dụng vỏ chai và phí pallet	393.621.799	406.604.044
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	-	79.420.800
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.330.120.000	1.253.866.667
Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu		
Mua dịch vụ	238.191.624	201.678.246
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya		
Bán phế liệu	18.343.500	17.355.500
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	216.000.000	216.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	84.000.000	120.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi	1.915.032.217	2.166.587.808
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao		
Ông Nguyễn Tấn Phiên – Trưởng ban Kiểm soát	96.000.000	96.000.000
Bà Dương Thị Thúy Hồng – Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Diệp – Thành viên	48.000.000	48.000.000

31. Chi phí đã trả và phải trả cho kiểm toán viên

	2025 VND	**2024 VND**
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	89.000.000	85.000.000
Chi phí soát xét thông tin tài chính	63.000.000	60.000.000
	152.000.000	145.000.000

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Trần Thị Thảo	Trần Thị Chất	Trịnh Công Vinh
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*